TAND HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 56/2019/HNGĐ- ST
Ngày 17/6/2019
V/v: Tranh chấp hợp động tặng cho tài sản và chia tài sản sau ly hôn giữa ông K và bà H.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thái
2. Ông Bà Nguyễn Thị Hoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Hương Giang- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Ông Thân M Thắng- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 203/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 05 năm 2018 về việc: *Tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản và chia tài sản sau ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXX- ST ngày 18 tháng 03 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn K, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Văn B, sinh năm 1998
- Anh Phạm Quốc V, sinh năm 1986
- Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (Đều vắng mặt).

- Anh Trần Duy K, sinh năm 2003

Do bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đại diện theo pháp luật (Vắng mặt).

- UBND xã T do ông Trần Văn M- Chủ tịch UBND xã đại diện theo pháp luật (Vắng mặt)

- UBND huyện Lục Nam do ông Đoàn Xuân Q- Chuyên viên Phòng tài nguyên và môi trường huyện Lục Nam đại diện theo ủy quyền (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn K trình bày: Tháng 7 năm 1997 ông kết hôn với bà Nguyễn Thị H. Bà H về nhà ông làm dâu được 01 tháng thì vợ chồng ông ra ăn ở riêng. Do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, ông và bà H đã quyết định ly hôn. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 185/2016/QĐST- HNGĐ ngày 27/7/2016, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam đã giải quyết cho ông và bà H ly hôn. Về tài sản chung, trong thời kỳ hôn nhân ông và bà H đã tạo dựng được khối tài sản chung gồm: 01 lô đất có chiều rộng 10,9m, chiều dài 48m, diện tích 523m² tại thôn X, xã T, đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/10/2001 mang tên hộ ông Trần Văn K. Nguồn gốc thửa đất là do ông và bà H mua của Nhà nước khi ra ở riêng (năm 1997) với giá là 2.750.000 đồng. Trong đó bố mẹ ông cho 1.000.000 đồng, còn lại là tiền của ông và bà H. Năm 2014, ông K và bà H đã xây 01 ngôi nhà 02 tầng, diện tích khoảng 100m² trên đất. Ngoài ra còn một số tài sản, cây cối, hoa mầu khác. Toàn bộ tài sản do ông và bà H tạo dựng, các con ông không có đóng góp công sức gì. Ngày 14/7/2016, ông và bà H có làm "Đơn thỏa thuận về phần tài sản" với nội dung ông và bà H để lại toàn bộ các tài sản trên cho các con. Nhưng sau khi Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà H, các con ông đối xử tệ bạc với ông, mỗi lần ông về thăm các con ông lại xúc phạm và đuổi ông ra khỏi nhà, ông không có chỗ ở nên ông thay đổi ý kiến, không đồng ý cho các con ông nữa. Vì vậy, ông không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển nhượng tài sản cho các con ông như ý định ban đầu. Nay ông yêu cầu Tòa án tuyên bố chấm dứt văn bản thỏa thuận ngày 14/7/2016 và chia đôi số tài sản trên, ông và bà H mỗi người một nửa.

Tại biên bản lấy lời khai, lời khai tiếp theo, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Trong thời kỳ hôn nhân bà và ông K đã tạo dựng, phát triển được khối tài sản như ông K đã trình bày. Toàn bộ các tài sản này các con bà không có đóng góp công sức gì, đó là tài sản chung của bà và ông K. Ngày 14/7/2016, bà và ông K đã lập văn bản thỏa thuận, có xác nhận của trưởng thôn và UBND xã với nội dung toàn bộ các tài sản trên để lại cho các con của bà và ông K, nên ông K yêu cầu chấm văn bản thỏa thuận và chia đôi số tài sản trên, bà không đồng ý.

Tại biên bản lấy lời khai, lời khai tiếp theo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn B; anh Trần Duy K do bà Nguyễn Thị H đại diện trình bày như bà Nguyễn Thị H đã trình bày ở trên.

Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, chị Nguyễn Thị S trình bày: Năm 2014, chị và chồng chị là anh Phạm Quốc V có thuê 01 ngôi nhà cấp 4 lợp ngói Bloximang ngay cạnh ngôi nhà 02 tầng của ông K, bà H với giá là 2.000.000đ/năm. Sau khi thuê lại nhà, vợ chồng chị đã sửa lại nhà và phát triển thêm một số tài sản, gồm: lợp lại mái, làm lại nền, xây tường và bắn mái lợp Bloximang khung sắt, xây 01 chuồng gà, 01 nhà tắm. Các tài sản do vợ chồng chị phát triển trên diện tích đất thuê của ông K, bà H vợ chồng chị đã tháo dỡ hết từ tháng 01/2019. Nay vợ chồng chị không còn liên quan gì đến tài sản đang tranh chấp giữa ông K, bà H nữa, chị đề nghị Tòa án không đưa vợ chồng chị vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm quốc V nhất trí với lời khai của vợ anh là chị Nguyễn Thị S.

Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Ủy ban nhân dân xã T do ông Trần Văn M- Chủ tịch UBND xã đại diện trình bày:

Năm 2001, hộ ông Trần Văn K đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 523m² như ông K, bà H đã khai là đúng. Quá trình sử dụng đất ổn định, ông K, bà H không lấn chiếm đất của ai, không có tranh chấp với ai. Diện tích đất thực tế tăng lên 77,2m² so với diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do phương pháp đo đạc thủ công trước đây không chính xác, có sự sai số. Ủy ban nhân dân xã T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Lục Nam do ông Đoàn Xuân Q- Chuyên viên Phòng tài nguyên và môi trường huyện Lục Nam đại diện theo ủy quyền trình bày như ý kiến của UBND xã T.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trần Văn K, tuyên bố chấm dứt hợp đồng tặng cho ngày 14/7/2016 giữa ông K với bà H và chia cho ông K, bà H mỗi người ½ giá trị các tài sản trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong thời kỳ hôn nhân, ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị H đã tạo dựng, phát triển được khối tài sản chung gồm: 01 lô đất có diện tích 523m², trong đó 400m² là đất ở, 123m2 là đất vườn tại thôn X, xã T, huyện Lục Nam, đã được UBND huyện Lục Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất SốS779926 ngày 11/10/2001 mang tên hộ ông Trần Văn K; vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Số 00401QSDĐ/QĐSỐ633QĐ-CT(H). Trên thực tế lô đất trên có diện tích là 600,2m² trị giá 1.608.408.400đ (Một tỷ, sáu trăm linh tám triệu, bốn trăm linh tám nghìn, bốn trăm đồng). Trên đất có có những tài sản sau:

+ 01 ngôi nhà 02 tầng, diện tích 94,35m² trị giá 501.413.000đ (Năm trăm linh một triệu, bốn trăm mười ba nghìn đồng).

+ 01 bán mái trước nhà 02 tầng có diện tích 21,93m² trị giá 10.776.000đ (Mười triệu, bẩy trăm bẩy mươi sáu nghìn đồng).

+ 01 nhà bếp lợp tôn liền nhà 02 tầng, diện tích 26,4m² trị giá 18.239.000đ (Mười tám triệu, hai trăm ba mươi chín nghìn đồng); 01 bán mái lợp bloximang liền nhà bếp, diện tích 22,56m² trị giá 2.416.000đ (Hai triệu, bốn trăm mười sáu nghìn đồng).

+ Tường vành lao có diện tích 38,7m² trị giá 3.560.000đ (Ba triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

+ 08 cây vải thiều có đường kính tán 3,5- 4m trị giá 4.640.000đ (Bốn triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

+ 01 nhà cấp 4 loại 1 giáp phía Tây của ngôi nhà 02 tầng, diện tích 29,67m² trị giá giá 23.436.000đ (Hai mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi sáu nghìn

đồng); 01 bán mái trước nhà lợp bloximang xay cay, diện tích 32,25m² trị giá 1.480.000đ (Một triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

+ Tường xây gạch, diện tích 7,54m² trị giá 257.000đ (Hai trăm, năm mươi bẩy nghìn đồng).

+ Tường xây cay, diện tích 51,75m² trị giá 4.761.000đ (Bốn triệu, bẩy trăm sáu mươi mốt nghìn đồng).

+ 05 cây vải thiều đường kính tán từ 3,5-4m trị giá 2.900.000đ (Hai triệu, chín trăm nghìn đồng).

+ 02 cây ổi có đường kính từ 12-15cm trị giá 161.100đ (một trăm, sáu mươi mốt nghìn, một trăm đồng)

+ 01 cây bàng có đường kính 50cm, trị giá 130.000đ.

Tổng giá trị tài sản ông K, bà H tạo dựng, phát triển được trong thời kỳ hôn nhân là 2.182.577.500đ (Hai tỷ, một trăm tám mươi hai triệu, năm trăm bẩy mươi bẩy nghìn, năm trăm đồng).

[2]. Trước khi ly hôn, ngày 14/7/2016, ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị H đã lập Hợp đồng tặng cho tài sản (tức "Đơn thỏa thuận về phần tài sản") với nội dung ông K, bà H để lại toàn bộ các tài sản trên cho các con của ông K, bà H, có xác nhận của trưởng thôn, xác nhận chữ ký của UBND xã. Sau khi Tòa án giải quyết cho ông K, bà H ly hôn (ngày 27/7/2016), bà H đã nhiều lần đến UBND xã yêu cầu làm thủ tục chuyển toàn bộ các tài sản trên cho các con của bà, nhưng ông K không đồng ý. Ngày 31/7/2018, văn bản thỏa thuận trên đã được bà H chứng thực tại UBND xã Trường Sơn, huyện Lục Nam.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K, Hội đồng xét xử thấy: Ngày 14/7/2016, ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị H có lập Hợp đồng tặng cho tài sản đối với các con, nhưng trên thực tế ông K, bà H chưa chuyển giao tài sản cho các con; trước khi Tòa án thụ lý vụ án, hợp đồng trên chưa được công chứng, chứng thực hoặc đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 38, khoản 2 Điều 39 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 424, Điều 467 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm a khoản 3 Điều 167, khoản 3 Điều 188 Luật đất đai. Vì vậy, ông Trần Văn K yêu cầu chấm dứt đồng tặng cho tài sản ngày 14/7/2016 và chia đôi tài sản là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Toàn bộ các tài sản do ông K, bà H tạo dựng, phát triển trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung của ông K, bà H, các con ông K, bà H là anh Trần Duy K, anh Trần Văn B không có đóng góp công sức gì. Đối với ngôi nhà 02 tầng xây dựng năm 2014 là tiền do bà H trong thời gian lao động ở nước ngoài gửi về xây. Tuy nhiên, trong thời gian này ông K là người trực tiếp chăm sóc các con và tham gia vào việc xây dựng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác đinh ông K, bà H có công sức đóng góp ngang nhau trong việc phát triển, tôn tạo toàn bộ các tài sản trên nên chia cho ông K, bà H mỗi người được hưởng 50% giá trị tài sản là phù hợp.

[5] Đối vớ lô đất diện tích 523m² tại thôn X, xã T, đã được UBND huyện Lục Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số S779926 ngày 11/10/2001 mang tên hộ ông Trần Văn K; vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Số 00401QSDĐ/QĐSỐ633QĐ-CT(H). Theo kết quả xem xét, thẩm định và đo đạc thực tế thì lô đất có diện tích 600,2m². Diện tích tăng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do sai số trong quá trình đo đạc khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên giao cho ông K, bà H tiếp tục quản lý, sử dụng.

[6]. Ngôi nhà 02 tầng trên đất do bà Nguyễn Thị H đang quản lý, sử dụng nên để thuận tiện cho việc quản lý, sử dụng: Giao cho bà Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng 307,6m² đất, trong đó 200m² đất ở trị giá 800.000.000đ, 107,6m² đất vườn, trị giá 4.519.200đ. Thửa đất có các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đường tỉnh lộ 293, cách tim đường 14m từ điểm 2-12 dài 5,45m; phía Nam giáp Suối nước từ điểm 4-5 dài 5.55m; phía Đông giáp đất nhà bà Hà Thị Liên từ điểm 2-3 dài 28,96m, từ điểm 3-4 dài 25,49m; phía Tây giáp đất giao cho anh Trần Văn K. Và sở hữu toàn bộ các tài sản trên thửa đất gồm: 01 ngôi nhà 02 tầng, diện tích 94,35m² trị giá 501.413.000đ (Năm trăm linh một triệu, bốn trăm mười ba nghìn đồng); 01 bán mái trước nhà 02 tầng có diện tích 21,93m² trị giá 10.776.000đ (mười triệu, bẩy trăm bẩy mươi sáu nghìn đồng); 01 nhà bếp lợp tôn liền nhà 02 tầng, diện tích 26,4m² trị giá 18.239.000đ (Mười tám triệu, hai trăm ba mươi chín nghìn đồng); 01 bán mái lợp bloximang liền nhà bếp, diện tích 22,56m² trị giá 2.416.000đ (Hai triệu, bốn trăm mười sáu nghìn đồng); tường vành lạo có diện tích 38,7m² trị giá 3.560.000đ (Ba triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản giao cho bà H quản lý, sử dụng, sở hữu có trị giá là 1.340.923.200đ.

Giao cho ông Trần Văn K quản lý, sử dụng 292,6m² đất, trong đó có 200m² đất ở trị giá 800.000.000đ, 92,6m² đất vườn trị giá 3.889.200đ . Các cạnh thửa đất tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đường tỉnh lộ 293, cách tim đường 14m, từ điểm 9- 12 dài 5,45m; phía Nam giáp Suối nước từ điểm 5-6 dài 3,50m, từ điểm 6-7 dài 2,30m; phía Đông giáp diện tích đất giao cho chị Nguyễn Thị H từ điểm 5- 12 dài 54,35m; phía Tây giáp đất nhà ông Ninh Văn Cường từ điểm 7-8 dài 23,94m, từ 8-9 dài 28,96m. Và sở hữu toàn bộ các tài sản trên thửa đất gồm: 08 cây vải thiều có đường kính tán 3,5- 4m trị giá 4.640.000đ (Bốn triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng); 01 nhà cấp 4 loại 1 phía tây của ngôi nhà 02 tầng, diện tích 29,67m² trị giá giá 23.436.000đ (Hai mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi sáu nghìn đồng); 01 bán mái trước nhà lợp bloximang xay cay, diện tích 32,25m² trị giá 1.480.000đ (Một triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng); tường xây gạch, diện tích 7,54m² trị giá 257.000đ (Hai trăm, năm mươi bẩy nghìn đồng); tường xây cay, diện tích 51,75m² trị giá 4.761.000đ (Bốn triệu, bẩy trăm sáu mươi mốt nghìn đồng); 05 cây vải thiều đường kính tán từ 3,5-4m trị giá 2.900.000đ (Hai triệu, chín trăm nghìn đồng); 02 cây ổi có đường kính từ 12-15cm trị giá 161.100đ (một trăm, sáu mươi mốt nghìn, một trăm đồng); 01 cây bàng có đường kính 50cm, trị giá 130.000đ. Tổng giá trị tài sản giao cho ông K quản lý, sử dụng, sở hữu là 841.654.300đ.

[4]. Do giá trị tài sản bà H được hưởng nhiều hơn so với phần giá trị tài sản của ông K được hưởng là 499.268.900đ nên bà H pH trích chia cho ông K ½ giá trị tài sản chênh lệch là 249.634.450đ. Tổng giá trị tài sản ông K, bà H mỗi người được hưởng là 1.091.288.750đ.

[7]. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị H pH chịu 15.000.000đ tiền chi phí xem xét, thẩm định, đo đạc tại chỗ và định giá tài sản. Trong đó, ông K pH chịu 7.500.000 đồng, bà H pH chịu 7.500.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 15.000.000đ tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định, đo đạc tại chỗ và định giá tài sản ông K đã nộp. Buộc bà Nguyễn Thị H pH thanh toán trả ông K 7.500.000đ.

[8]. Về án phí: Ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị H pH chịu án phí dân sự sơ thẩm tương đương với phần giá trị tài sản mình được hưởng theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 59, Điều 33, khoản 2 Điều 38, khoản 2 Điều 39, Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 424, Điều 467 của Bộ luật dân sự năm 2005; điểm a khoản 3 Điều 167, khoản 3 Điều 188 Luật đất đai; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn K. Tuyên bố chấm dứt hợp đồng tặng cho tài sản ngày 14/7/2016 giữa ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị H. Ông K, bà H mỗi người được hưởng ½ giá trị tài sản, cụ thể như sau:

- Giao cho ông Trần Văn K quản lý, sử dụng 292,6m² đất, trong đó có 200m² đất ở, 92,6m² đất vườn. Các cạnh thửa đất tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đường tỉnh lộ 293, cách tim đường 14m, từ điểm 9- 12 dài 5,45m; phía Nam giáp Suối nước từ điểm 5-6 dài 3,50m, từ điểm 6-7 dài 2,30m; phía Đông giáp diện tích đất giao cho chị Nguyễn Thị H từ điểm 5- 12 dài 54,35m; phía Tây giáp đất nhà ông Ninh Văn Cường từ điểm 7-8 dài 23,94m, từ 8-9 dài 28,96m. Ông Trần Văn K được sở hữu toàn bộ các tài sản trên thửa đất gồm: 08 cây vải thiều có đường kính tán 3,5- 4m; 01 nhà cấp 4 loại 1, diện tích 29,67m²; 01 bán mái trước nhà lợp bloximang xây cay, diện tích 32,25m²; tường xây gạch, diện tích 7,54m²; tường xây cay, diện tích 51,75m² trị giá 4.761.000đ; 05 cây vải thiều đường kính tán từ 3,5-4m trị giá 2.900.000đ; 02 cây ổi có đường kính từ 12-15cm; 01 cây bàng có đường kính 50cm. Tổng giá trị tài sản giao cho ông K quản lý, sử dụng, sở hữu trị giá 841.654.300đ (Tám trăm bốn mươi mốt triệu, sáu trăm năm mươi tư nghìn, ba trăm đồng).

- Giao cho bà Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng 307,6m² đất, trong đó 200m² đất ở, 107,6m² đất vườn. Thửa đất có các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đường tỉnh lộ 293, cách tim đương 14m, từ điểm 2-12 dài 5,45m; phía Nam giáp Suối nước từ điểm 4-5 dài 5.55m; phía Đông đất nhà bà Hà Thị Liên từ điểm 2-3 dài 28,96m, từ điểm 3-4 dài 25,49m; phía Tây giáp đất giao cho anh Trần Văn K. Bà Nguyễn Thị H được sở hữu toàn bộ các tài sản trên thửa đất gồm: 01 ngôi nhà 02 tầng, diện tích 94,3 m²; 01 bán mái trước nhà 02 tầng có diện tích 21,93m²; 01 nhà bếp lợp tôn liền nhà 02 tầng, diện tích 26,4m²; 01 bán mái lợp bloximang liền nhà bếp, diện tích 22,56m2; tường vành lao có diện tích 38,7m². Tổng giá trị tài sản giao cho bà H quản lý, sử dụng, sở hữu có trị giá là 1.340.923.200đ (Một tỷ, ba trăm bốn mươi triệu, chín trăm hai mươi ba nghìn, hai trăm đồng).

- Buộc bà Nguyễn Thị H pH trích chia cho anh K ½ giá trị tài sản chênh lệch là 249.634.450đ (Hai trăm bốn mươi chín triệu, sáu trăm ba mươi tư nghìn, bốn trăm năm mươi đồng).

- Tổng giá trị tài sản ông K, bà H mỗi người được hưởng là 1.091.288.750đ (Một tỷ, không trăm chín mươi mốt triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

2. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị H mỗi người pH chịu 7.500.000đ (Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định, đo đạc tại chỗ và định giá tài sản, nhưng được trừ vào số tiền 15.000.000đ tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định, đo đạc tại chỗ và định giá tài sản ông K đã nộp. Bà Nguyễn Thị H pH thanh toán trả ông K 7.500.000đ (Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định, đo đạc tại chỗ và định giá tài sản.

3. Án phí: Ông Trần Văn K pH chịu 38.738.600 đồng (Ba mươi tám triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn, sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 31.500.000đ và 300.000đ ông K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003188 ngày 16/5/2018, số 0003562 ngày 13/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam. Ông Trần Văn K còn pH chịu 6.938.600đ (Sáu triệu, chín trăm ba mươi tám nghìn, sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H pH chịu 38.738.600 đồng (Ba mươi tám triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn, sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm .

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên pH thi hành án pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

4. Về kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

(Kèm theo bản án là sơ đồ đo đạc thửa đất)

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND cùng cấp;*
- *VKSND tỉnh;*
- *Chi cục THADS cùng cấp;*
- *Lưu hồ sơ, v/p.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huân

+ 08 cây vải thiều có đường kính tán 3,5- 4m trị giá 4.640.000đ (Bốn triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

+ 01 nhà cấp 4 loại 1 phía tây của ngôi nhà 02 tầng, diện tích 29,67m2 trị giá giá 23.436.000đ (Hai mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi sáu nghìn đồng); 01 bán mái trước nhà lợp bloximang xay cay, diện tích 32,25m2 trị giá 1.480.000đ (Một triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

+ Tường xây gạch, diện tích 7,54m2 trị giá 257.000đ (Hai trăm, năm mươi bẩy nghìn đồng).

+ Tường xây cay, diện tích 51,75m2 trị giá 4.761.000đ (Bốn triệu, bẩy trăm sáu mươi mốt nghìn đồng).

+ 05 cây vải thiều đường kính tán từ 3,5-4m trị giá 2.900.000đ (Hai triệu, chín trăm nghìn đồng).

+ 02 cây ổi có đường kính từ 12-15cm trị giá 161.100đ (một trăm, sáu mươi mốt nghìn, một trăm đồng)

+ 01 cây bàng có đường kính 50cm, trị giá 130.000đ.

+ 01 ngôi nhà 02 tầng, diện tích 94,35m2 trị giá 501.413.000đ (Năm trăm linh một triệu, bốn trăm mười ba nghìn đồng).

+ 01 bán mái trước nhà 02 tầng có diện tích 21,93m2 trị giá 10.776.000đ (mười triệu, bẩy trăm bẩy mươi sáu nghìn đồng).

+ 01 nhà bếp lợp tôn liền nhà 02 tầng, diện tích 26,4m2 trị giá 18.239.000đ (Mười tám triệu, hai trăm ba mươi chín nghìn đồng); 01 bán mái lợp bloximang liền nhà bếp, diện tích 22,56m2 trị giá 2.416.000đ (Hai triệu, bốn trăm mười sáu nghìn đồng).

+ Tường vành lao có diện tích 38,7m2 trị giá 3.560.000đ (Ba triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng).